MIRAE ASSET Securities

15 Tháng Bảy 2022

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn

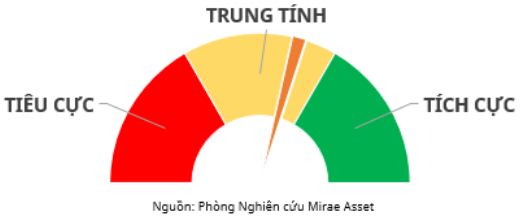

Nguồn: Phòng Nghiên cứu Mirae Asset

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,179.25	-0.25	-2.86	-8.86
HNX	284.40	-0.13	0.41	-7.15
UPCOM	87.32	0.15	-1.50	2.75
MSCI EM	965.45	-0.52	-5.36	-28.40
NIKKEI	26,788.47	0.54	1.76	-5.27
HANG SENG	20,307.74	-2.14	-4.70	-27.46
KOSPI	2,330.98	0.37	-4.76	-29.07
FTSE	7,083.23	0.62	-2.61	1.02
S&P 500	3,790.38	-0.30	0.01	-13.07
NASDAQ	11,251.19	0.03	1.37	-22.64

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	12.8	2.0	15.8
SET INDEX	16.3	1.1	9.2
JCI INDEX	15.0	2.0	12.9
PCOMP INDEX	17.8	1.5	9.0

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	2.43	2	-10	140
10 năm	3.27	0	-5	113

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US$/VND	23,400	0.00	-0.85	-1.65
US$/KRW	1,326	-1.07	-2.70	-13.93
US$/JPY	139	0.11	-3.58	-20.88
US$/EUR	1.00	-0.06	4.19	17.80
US$/GBP	0.85	-0.05	2.93	16.88
US$/SGD	1.40	-0.06	-1.33	-3.62

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	421	472	912
HNX	56	50	119
UPCOM	24	35	71

Định giá VN-INDEX: P/E lịch sử

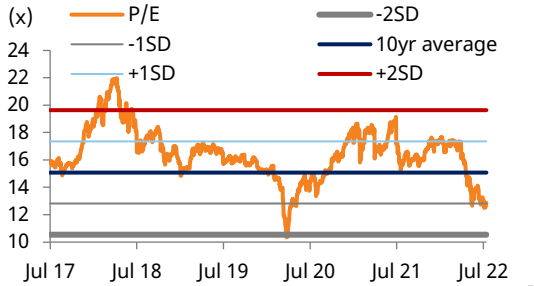

Nhận định thị trường

Gập ghềnh leo dốc

Sau vài phiên phục hồi tốt trong tuần, VN-Index mở cửa trong sắc xanh với kỳ vọng tích cực từ nhà đầu tư. Với tâm lý đó, thị trường duy trì sắc xanh với phần lớn thời gian giao dịch trong ngày. Tuy nhiên, tâm lý thận trọng một lần nữa quay trở lại khiến lực bán xuất hiện mạnh vào cuối phiên và kéo chỉ số trượt khỏi mốc tham chiếu và qua đó, khép lại tuần giao dịch phục hồi khá gập ghềnh của VN-Index Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm nhẹ khi mất 2,9 điểm, tương ứng với 0,3% và đóng cửa tại 1.179 điểm. Thanh khoản của 3 sàn lần lượt là HOSE: 13.116 tỷ đồng, HNX: 1.424 tỷ đồng, UPCOM: 740 tỷ đồng.

Phiên giao dịch giảm điểm nhẹ với số mã tăng (215) và giảm (233) khá cân bằng. Tiếp tục là phiên giao dịch phân hóa của thị trường khi nhóm Hóa chất, Phân bón và Dầu khí điều chỉnh với mức giảm bình quân từ 1%–3%. Nhóm chứng khoán sau khi đồng loạt tăng trần hôm qua đã phải điều chỉnh giảm trong hôm nay. Đáng chú ý hôm nay khi HPG tăng +4,5% và đóng vai trò trụ đỡ giúp VN-30 đi ngang cho dù có đến 22/30 mã giảm giảm điểm.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng hôm nay với giá trị gần 540 tỷ đồng, tập trung vào nhóm chứng chỉ quỹ FUEVFVND nhiều nhất với giá trị 260 tỷ đồng, tiếp theo là UIC, DXG và SSI với giá trị lần lượt là 65 tỷ, 40 tỷ và 36 tỷ đồng.

Phiên giao dịch đi ngang và điểm số kỹ thuật của VN-Index được giữ nguyên. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đang ở mức +2, thể hiện trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 12,8x.

Trần Duy Lam, Analyst,84-8-39102222, lam.td@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-7	TIÊU CỰC
Kospi	-4	TIÊU CỰC
Nikkei 225	6	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	**2**	**TRUNG TÍNH**
VN30	**2**	**TRUNG TÍNH**
VN30F1M	**-2**	**TRUNG TÍNH**
VN DIAMOND	**1**	**TRUNG TÍNH**
VN FIN SELECT	**1**	**TRUNG TÍNH**

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (15/07/2022)	1.182	Kháng cự 1	**1.200**
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2	**1.280**
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	**1.100**
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	**1.050**

Phiên giao dịch giảm điểm nhẹ, nhưng khối lượng được cải thiện theo hướng tích cực, điểm số kỹ thuật của VN-Index được giữ nguyên.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)

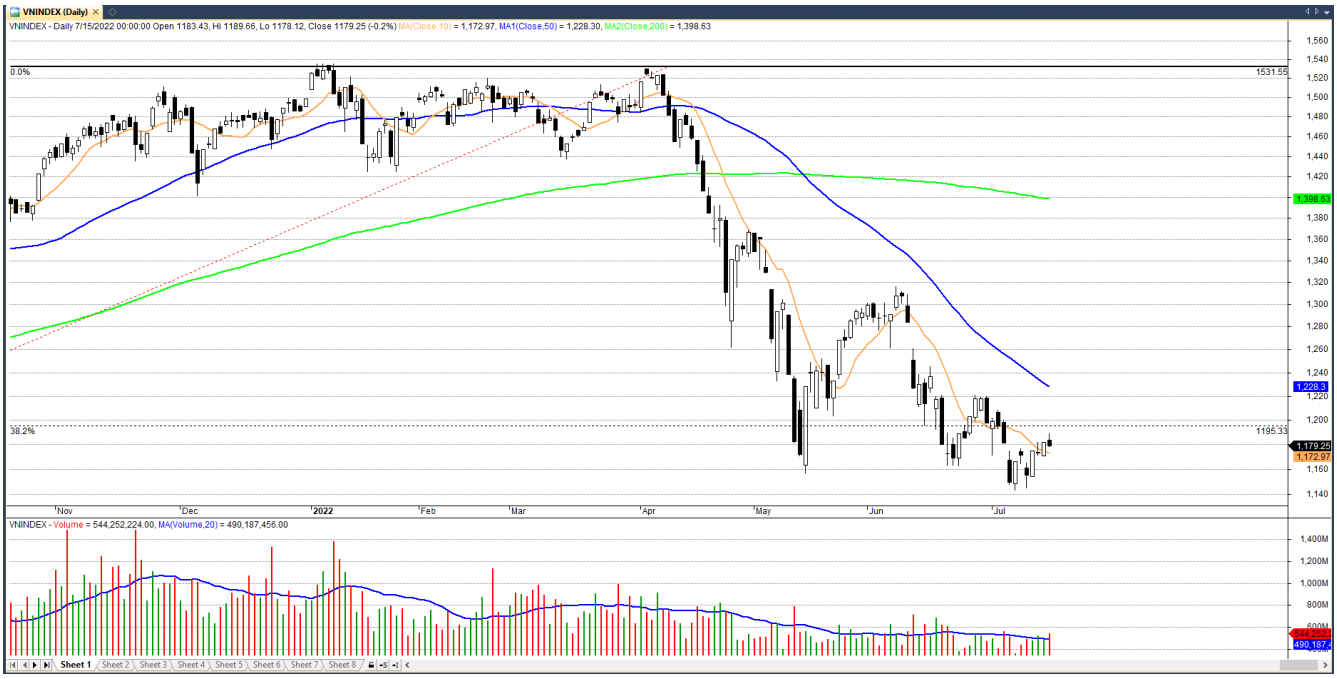

Nguồn: Fdata

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (15/07/2022)	1.210	Kháng cự 1	**1.220**
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	**TRUNG TÍNH**	Kháng cự 2	**1.250**
VN30 – đóng cửa	1.217	Hỗ trợ 1	**1.200**
Chênh lệch **VN30F1M** & **VN30**	-6,9	Hỗ trợ 2	**1.180**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	**-2**	**TRUNG TÍNH**
VN30F1M (chart 60 phút)	**-2**	**TRUNG TÍNH**
VN30F1M (chart ngày)	**-2**	**TRUNG TÍNH**

Xu hướng trong tuần VN30F1M là giảm nhẹ kèm theo khối lượng trung bình, ngưỡng hộ trợ gần nhất năm ở 1.200

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)

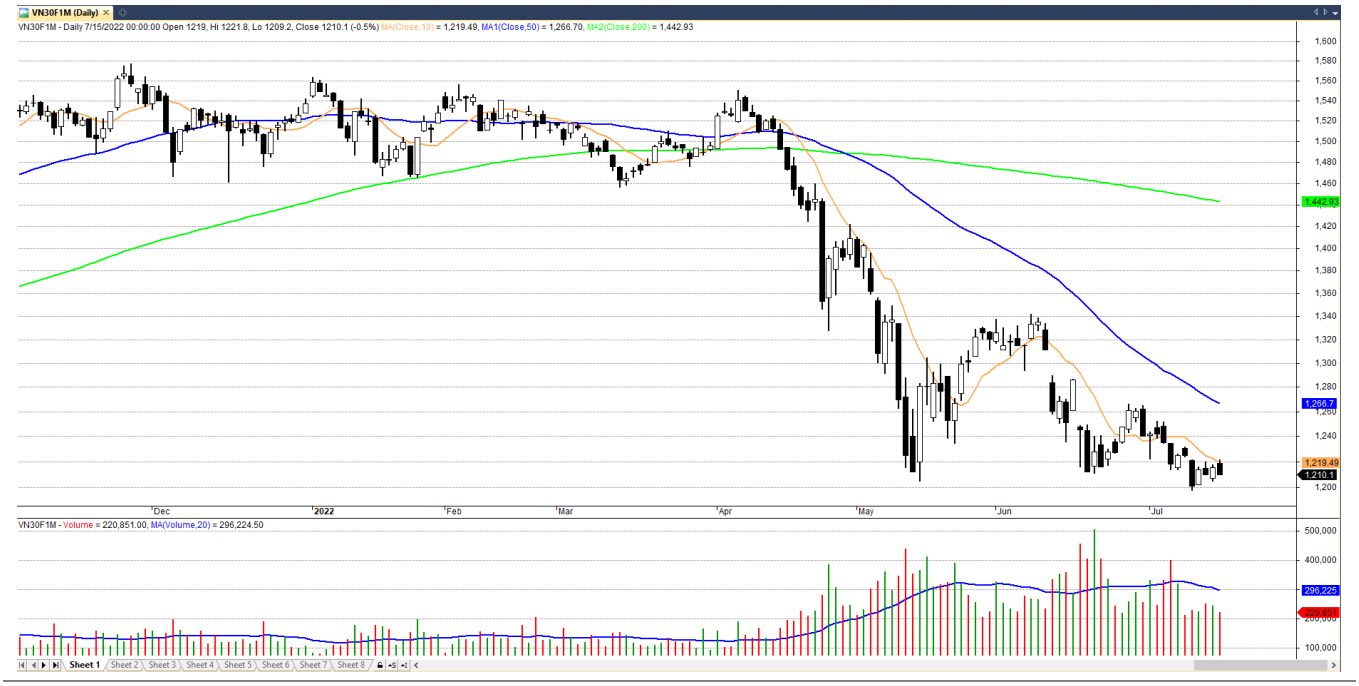

Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
SHB	Ngân hàng	14,650	7,641,550	**91**	5	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.
(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
HPG	23.2	19,556,176	**5**	KHẢ QUAN	134,903	4.1	1.4	454
SHB	14.65	7,641,550	**5**	KHẢ QUAN	39,070	6.1	1.0	112
LPB	14	7,580,060	**5**	KHẢ QUAN	21,050	6.4	1.1	106
TCH	11.85	4,321,675	**5**	KHẢ QUAN	7,918	15.4	0.9	51
HNG	6.36	7,382,725	**5**	KHẢ QUAN	7,050	#N/A N/A	1.3	47
PAN	22.15	1,431,335	**5**	KHẢ QUAN	4,627	13.2	1.1	32
KSB	25.9	1,196,500	**5**	KHẢ QUAN	1,976	9.2	1.1	31
VND	18.9	25,823,090	**4**	KHẢ QUAN	23,017	5.1	1.4	488
STB	23	16,543,090	**4**	KHẢ QUAN	43,360	11.0	1.2	380
VPB	28.25	8,039,590	**4**	KHẢ QUAN	125,585	7.3	1.4	227
MBB	25.45	7,937,035	**4**	KHẢ QUAN	96,158	7.0	1.5	202
DPM	50.4	3,408,080	**4**	KHẢ QUAN	19,723	3.9	1.6	172
DCM	29.8	5,215,665	**4**	KHẢ QUAN	15,776	5.3	1.8	155
VCI	38	3,910,555	**4**	KHẢ QUAN	12,730	7.8	1.8	149
HCM	24.2	5,760,030	**4**	KHẢ QUAN	11,065	9.2	1.5	139
SHS	15.3	8,197,675	**4**	KHẢ QUAN	6,050	5.0	1.2	125
CTG	27	4,204,880	**4**	KHẢ QUAN	129,755	10.6	1.3	114
PVD	16.9	5,710,800	**4**	KHẢ QUAN	8,540	149.0	0.6	97
HUT	28	3,102,805	**4**	KHẢ QUAN	9,762	53.3	2.5	87
PDR	52.8	1,489,830	**4**	KHẢ QUAN	35,463	19.0	4.9	79
ITA	7.34	9,742,975	**4**	KHẢ QUAN	6,887	31.2	0.6	72
VIX	11	6,123,600	**4**	KHẢ QUAN	6,014	5.3	1.0	67
BCG	15.1	4,186,485	**4**	KHẢ QUAN	7,600	6.9	1.2	63
NT2	23.85	2,140,210	**4**	KHẢ QUAN	6,866	12.3	1.6	51
TPB	27.1	1,616,430	**4**	KHẢ QUAN	42,866	8.2	1.6	44
AAA	11.95	3,297,625	**4**	KHẢ QUAN	3,901	12.4	0.8	39
LCG	11.3	3,394,095	**4**	KHẢ QUAN	1,948	9.9	0.8	38
SBT	18.35	2,045,500	**4**	KHẢ QUAN	11,545	16.0	1.4	38
GVR	23.15	1,409,840	**4**	KHẢ QUAN	92,600	21.1	1.9	33
SZC	49.2	620,130	**4**	KHẢ QUAN	4,920	17.8	3.5	31
MIG	23.1	1,274,690	**4**	KHẢ QUAN	3,799	14.9	2.1	29
KDH	36.35	775,170	**4**	KHẢ QUAN	25,708	21.3	2.5	28
VPG	28.6	913,670	**4**	KHẢ QUAN	2,294	4.4	1.5	26

HAG	11.05	17,143,284	**3**	**TRUNG TÍNH**	10,248	20.0	2.2	189
DXG	21.95	7,548,020	**3**	**TRUNG TÍNH**	13,335	14.6	1.4	166
NKG	19.9	8,088,770	**3**	**TRUNG TÍNH**	5,239	2.1	0.8	161
CEO	30.4	4,976,210	**3**	**TRUNG TÍNH**	7,823	53.3	2.6	151
CII	19.5	3,910,760	**3**	**TRUNG TÍNH**	4,918	15.4	0.9	76
NLG	38.15	1,798,555	**3**	**TRUNG TÍNH**	14,609	20.1	1.7	69
VPI	62.8	1,078,935	**3**	**TRUNG TÍNH**	13,816	34.1	4.5	68
HDC	41.8	1,448,280	**3**	**TRUNG TÍNH**	4,518	13.6	3.0	61
VCG	19.9	2,764,205	**3**	**TRUNG TÍNH**	9,669	11.5	1.5	55
HQC	4.57	7,202,015	**3**	**TRUNG TÍNH**	2,178	268.3	0.5	33
DIG	41.95	9,001,485	**2**	**TRUNG TÍNH**	20,970	19.9	2.8	378
SSI	21.1	16,799,756	**2**	**TRUNG TÍNH**	31,442	7.4	1.5	354
GEX	21.1	8,223,580	**2**	**TRUNG TÍNH**	17,967	15.6	1.4	174
HSG	18.2	7,576,655	**2**	**TRUNG TÍNH**	9,071	2.5	0.8	138
KBC	35.8	3,363,455	**2**	**TRUNG TÍNH**	27,288	41.1	1.9	120
IDC	56.7	1,821,040	**2**	**TRUNG TÍNH**	18,711	28.5	4.5	103
DBC	26.9	3,647,130	**2**	**TRUNG TÍNH**	6,510	13.8	1.4	98
HBC	19.45	4,417,895	**2**	**TRUNG TÍNH**	4,778	43.4	1.3	86
KDC	61.5	1,056,870	**2**	**TRUNG TÍNH**	15,475	25.2	2.3	65
ASM	14.45	3,178,530	**2**	**TRUNG TÍNH**	4,863	7.0	0.9	46
VOS	17.8	2,142,585	**2**	**TRUNG TÍNH**	2,492	4.4	2.3	38
SCR	10.45	3,634,110	**2**	**TRUNG TÍNH**	3,828	18.3	0.8	38
LDG	9.75	3,396,450	**2**	**TRUNG TÍNH**	2,335	17.2	0.7	33
DPG	40.5	801,105	**2**	**TRUNG TÍNH**	2,551	7.1	1.7	32
FCN	14.05	2,127,120	**2**	**TRUNG TÍNH**	2,212	39.4	0.8	30
FTS	38	687,885	**2**	**TRUNG TÍNH**	5,608	6.1	1.8	26
PVS	23.2	8,266,610	**0**	**TRUNG TÍNH**	11,089	16.5	0.9	192
TCB	36.1	4,637,140	**0**	**TRUNG TÍNH**	126,744	6.6	1.3	167
VNM	71.6	2,295,545	**0**	**TRUNG TÍNH**	149,641	16.3	4.6	164
VHC	80.5	1,493,835	**0**	**TRUNG TÍNH**	14,762	9.7	2.3	120
VIC	69.6	1,719,665	**0**	**TRUNG TÍNH**	265,450	#N/A N/A	2.5	120
REE	77.9	1,196,520	**0**	**TRUNG TÍNH**	27,686	13.0	2.0	93
HAH	62	1,423,145	**0**	**TRUNG TÍNH**	4,234	7.7	2.5	88
HDG	44.85	1,769,005	**0**	**TRUNG TÍNH**	10,971	10.4	2.4	79
ANV	45.45	1,638,810	**0**	**TRUNG TÍNH**	5,778	21.3	2.3	74
BVH	56.5	1,234,675	**0**	**TRUNG TÍNH**	41,941	22.3	1.9	70
IDI	19.1	3,136,840	**0**	**TRUNG TÍNH**	4,348	13.8	1.4	60
VIB	24.25	2,285,650	**0**	**TRUNG TÍNH**	51,111	7.6	2.0	55
VGC	50.5	1,096,220	**0**	**TRUNG TÍNH**	22,642	13.7	2.9	55
ACB	24	2,207,195	**0**	**TRUNG TÍNH**	81,058	7.8	1.7	53
ORS	15	1,932,215	**0**	**TRUNG TÍNH**	3,000	#N/A N/A	1.3	29
CSV	43	601,465	**0**	**TRUNG TÍNH**	1,901	7.2	1.6	26
POW	13	15,339,515	**-2**	**TRUNG TÍNH**	30,444	15.1	1.0	199
DGC	95.8	1,920,605	**-2**	**TRUNG TÍNH**	35,565	11.0	4.9	184
VHM	60	2,925,025	**-2**	**TRUNG TÍNH**	261,262	6.8	2.0	176
NVL	73.6	2,084,775	**-2**	**TRUNG TÍNH**	143,508	33.9	3.9	153
GAS	97.1	1,043,360	**-2**	**TRUNG TÍNH**	186,610	19.1	3.4	101
GMD	49	1,857,965	**-2**	**TRUNG TÍNH**	14,768	21.7	2.2	91

TNG	26.8	3,167,670	**-2**	**TRUNG TÍNH**	2,683	9.9	1.8	85
PC1	35.9	2,092,290	**-2**	**TRUNG TÍNH**	8,442	11.1	1.7	75
BID	35.8	1,991,730	**-2**	**TRUNG TÍNH**	181,095	15.8	2.1	71
VCB	72.4	917,970	**-2**	**TRUNG TÍNH**	342,161	14.9	2.9	66
GEG	21.7	2,565,555	**-2**	**TRUNG TÍNH**	6,986	19.9	2.0	56
FLC	5.75	7,578,055	**-2**	**TRUNG TÍNH**	4,082	#N/A N/A	0.5	44
HDB	23.6	1,644,415	**-2**	**TRUNG TÍNH**	47,488	7.3	1.5	39
CTD	59	556,440	**-2**	**TRUNG TÍNH**	4,358	#N/A N/A	0.5	33
PHR	64	433,380	**-2**	**TRUNG TÍNH**	8,672	12.6	2.6	28
BSR	22.8	14,162,615	**-4**	**TIÊU CỰC**	70,691	10.8	1.9	323
PNJ	113.5	781,940	**-4**	**TIÊU CỰC**	27,509	20.9	3.4	89
VRE	26.2	1,566,865	**-4**	**TIÊU CỰC**	59,535	65.4	1.9	41
FPT	82.2	1,531,140	**-5**	**TIÊU CỰC**	90,176	19.1	4.7	126
MSN	101.2	650,320	**-6**	**TIÊU CỰC**	144,081	14.4	5.2	66
PVT	19	2,452,095	**-6**	**TIÊU CỰC**	6,149	9.1	1.1	47
MWG	61.5	3,122,205	**-7**	**TIÊU CỰC**	90,018	17.5	4.0	192
FRT	73.3	1,352,890	**-7**	**TIÊU CỰC**	8,684	15.0	4.8	99
VJC	124.7	611,025	**-7**	**TIÊU CỰC**	67,539	345.0	4.0	76
DGW	52.5	632,635	**-7**	**TIÊU CỰC**	8,561	11.0	4.2	33

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Trung Quốc tăng trưởng chậm lại

Theo thông tin vừa được công bố, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) quý II của Trung Quốc tăng 0,4% so với cùng kỳ năm 2021 nhưng thấp hơn 2,6% so với quý trước đó trong bối cảnh nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19. Sản lượng công nghiệp tháng 6 của Trung Quốc tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn dự báo tăng 4,1% của Reuters. Tuy nhiên, doanh số bán lẻ tháng 6 của quốc gia này tăng 3,1%, cao hơn nhiều so với dự báo không tăng trưởng của giới chuyên gia. Trong tháng trước, nhiều doanh nghiệp thương mại điện tử lớn của quốc gia này tổ chức ngày hội tiêu dùng nhằm kích cầu doanh số. Các chuyên gia tham gia khảo sát trước đó của Reuters dự báo GDP tăng trưởng 1%, sản lượng công nghiệp tăng 4,1% và doanh số bán lẻ không thay đổi. Đà tăng trưởng tiêu dùng được ghi nhận ở một loạt các lĩnh vực như ô tô, mỹ phẩm và dược phẩm. Tuy nhiên, chi tiêu cho dành cho dịch vụ ăn uống, nội thất và vật liệu xây dựng giảm. Doanh số bán hàng trực tuyến đối với các hàng hóa vật lý tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2021, thấp hơn mức tăng trưởng 14% trong tháng trước đó do người dân không thể ra ngoài. Đầu tư tài sản cố định trong nửa đầu năm 2022 tăng 6,1%, cao hơn dự báo tăng 6%. Tỷ lệ thất nghiệp tại 31 đô thị lớn nhất Trung Quốc giảm còn 5,8% trong tháng 6, tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp trong nhóm tuổi từ 16-24 tăng lên 19,3%.

Phê duyệt 12 dự án thành phần cao tốc Bắc - Nam, phía Đông giai đoạn 2021-2025

Bộ Giao thông vận tải vừa cho biết Bộ đã quyết định phê duyệt dự án đầu tư 12 dự án thành phần thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025. Quyết định này được ban hành ngay sau khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua Nghị quyết số 273/2021 về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, đất rừng và đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên.Theo Bộ Giao thông vận tải, đây là mốc nhiệm vụ rất quan trọng, chính thức kết thúc giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án và chuyển sang giai đoạn thực hiện dự án.Thời gian từ khi Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư cho đến khi Bộ Giao thông vận tải phê duyệt dự án đầu tư toàn bộ 12 dự án thành phần là khoảng 6 tháng, rút ngắn được 1/2 thời gian so với các dự án giai đoạn 2017-2020, thực hiện theo những trình tự thủ tục thông thường, đáp ứng được yêu cầu của Quốc hội và Chính phủ.Theo quyết định được phê duyệt, 12 dự án thành phần cao tốc Bắc - Nam sẽ được đầu tư với tổng chiều dài 723,7km tuyến chính. Dự án gồm các đoạn: Hà Tĩnh - Quảng Trị (260,9km), Quảng Ngãi - Nha Trang (352,06km) và Cần Thơ - Cà Mau (110,9km). Sơ bộ tổng mức đầu tư toàn bộ dự án khoảng hơn 146.985 tỷ đồng.

VIC: VinFast nhận ưu đãi 1,2 tỷ USD cho dự án nhà máy tại Bắc Carolina

VinFast công bố nhận khoản ưu đãi 1,2 tỷ USD từ bang Bắc Carolina, Mỹ cho dự án xây dựng nhà máy sản xuất xe điện. Gói ưu đãi kinh tế lớn nhất trong lịch sử bang này đã được thống đốc Roy Cooper ký phê chuẩn, đưa nhà máy của VinFast trở thành cơ sở sản xuất ô tô điện đầu tiên tại Bắc Carolina.Nhà máy VinFast sẽ được xây dựng tại khu công nghiệp Triangle Innovation Point tại hạt Chatham, bang Bắc Carolina với tổng vốn đầu tư giai đoạn 1 khoảng 2 tỷ USD.VinFast cho biết nhận được những hỗ trợ tài chính quan trọng từ thành phố Sanford, hạt Chatham và Quỹ Golden Leaf. Tổng các khoản ưu đãi khoảng 1,2 tỷ USD, bao gồm khoản hỗ trợ đầu tư phát triển việc làm trị giá 316 triệu USD trong 32 năm; Khoản hỗ trợ 450 triệu USD từ ngân sách của bang cho việc chuẩn bị mặt bằng, cải tạo cơ sở hạ tầng bao gồm đường giao thông và hệ thống cấp thoát nước; Khoản hỗ trợ đào tạo nghề trị giá 38 triệu USD; Khoản tài trợ 50 triệu USD từ Quỹ Golden Leaf; Khoản ưu đãi 400 triệu USD từ hạt Chatham.

Ngoài ra, VinFast còn nhận được ưu đãi từ các tổ chức thương mại của bang Bắc Carolina, không thuộc ngân sách chính phủ, lên đến hàng trăm triệu USD. Dự án có diện tích khoảng 800 ha, bao gồm 2 khu vực chính: sản xuất - lắp ráp ô tô điện và xe buýt điện và khu công nghiệp phụ trợ cho các nhà cung cấp. Công suất dự kiến là 150.000 xe/năm, tập trung sản xuất ô tô điện, xe bus điện, cùng các ngành công nghiệp phụ trợ. Khi đi vào hoạt động, nhà máy sẽ tạo ra hệ sinh thái các nhà cung cấp cũng như hàng ngàn việc làm tại địa phương, qua đó tạo ra những hiệu quả kinh tế cả trực tiếp lẫn gián tiếp.

FTS: chốt quyền chia thưởng tỷ lệ 25% và chào bán cổ phiếu tỷ lệ 10%

Công ty Chứng khoán FPT (FPTS, HoSE: FTS) thông báo ngày 26/7 đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2021 bằng tiền, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.Cụ thể, doanh nghiệp sẽ trả cổ tức bằng tiền 5%, số tiền chi ra 73,8 tỷ đồng với ngày thanh toán 5/8. Cùng với đó, FPTS sẽ phát hành 29,52 triệu cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 20%.Cuối cùng, công ty phát hành 14,76 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 10% với giá 10.000 đồng/cp. Thời gian chuyển nhượng quyền mua từ 2/8 đến 16/8, đặt mua và nộp tiền từ 2/8 đến 23/8.Như vậy, tổng số lượng cổ phần phát hành thêm là 44,2 triệu đơn vị, vốn điều lệ dự kiến tăng từ 1.476 tỷ đồng lên 1.918 tỷ đồng. Công ty chứng khoán dự kiến thu về gần 148 tỷ đồng để bổ sung cho hoạt động cho nhà đầu tư vay giao dịch ký quỹ.

LDP: hủy lô trái phiếu 300 tỷ đồng

Mới đây, Dược Lâm Đồng (Ladophar, HNX: LDP) thông qua việc hủy phát hành lô trái phiếu LDPH2223001 trị giá 300 tỷ đồng. Trong đó, công ty sẽ thỏa thuận với trái chủ, tiến hành tất toán toàn bộ khoản nợ trái phiếu. Công ty cũng sẽ thu hồi dòng tiền đã sử dụng từ nguồn trái phiếu đồng thời chủ động sử dụng các nguồn vốn chi trả theo cam kết với nhà đầu tư.Ladophar cũng cho biết sẽ uỷ quyền cho Tổng giám đốc thực hiện đàm phán, ký kết các văn bản thoả thuận xử lý các vấn đề liên quan đến gói trái phiếu này.

PPC: Lợi nhuận công ty mẹ Nhiệt điện Phả Lại quý II giảm 38% do hụt thu tài chính

Nhiệt điện Phả Lại (HoSE: PPC) vừa công bố báo cáo tài chính công ty mẹ quý II với doanh thu 1.289 tỷ đồng, tăng 5,8% so với cùng kỳ. Doanh thu tăng nhờ vào giá điện quý này tăng so với năm ngoái trong khi sản lượng điện giảm 11,3% còn 826,5 triệu kWh. Giá vốn hàng bán giảm 9,6% xuống 1.170 tỷ đồng giúp lãi gộp đạt 119,6 tỷ đồng, cùng kỳ âm 76 tỷ đồng.Tuy nhiên, doanh thu tài chính công mẹ Phả Lại lại giảm 96,7% còn 6,8 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là cùng kỳ 2021 đơn vị này nhận được 189,5 tỷ đồng tiền cổ tức và lãi tiền gửi là 20,5 tỷ đồng. Đến năm nay thì công ty không nhận được cổ tức còn lãi tiền gửi giảm xuống 6,8 tỷ đồng. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lần lượt tăng gần 3% và 9%.Kết quả, công ty thu về được 74,8 tỷ đồng lãi sau thuế, giảm 37,7% so với quý II/2021. Lợi nhuận giảm chủ yếu do doanh thu tài chính giảm.

KDC: bán 28,1 triệu cổ phiếu quỹ từ 26/7

Tập đoàn Kido (HoSE: KDC) công bố bán toàn bộ 28,1 triệu cổ phiếu quỹ từ 26/7 đến 24/8. Giá bán sẽ theo giá thị trường tại phiên giao dịch nhưng không thấp hơn 60.000 đồng/cp.

Chỉ báo tham khảo

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets

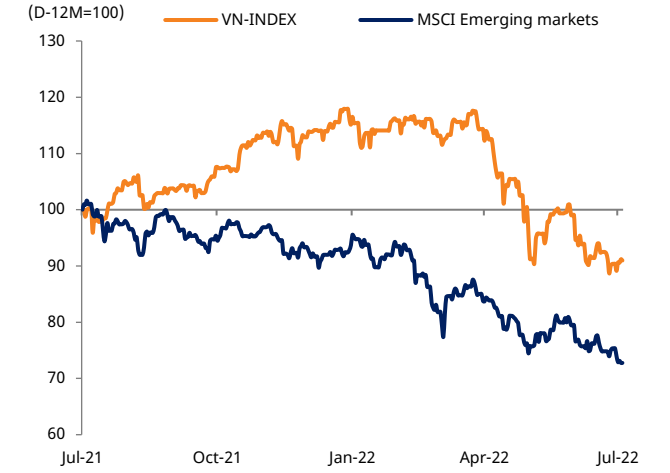

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài

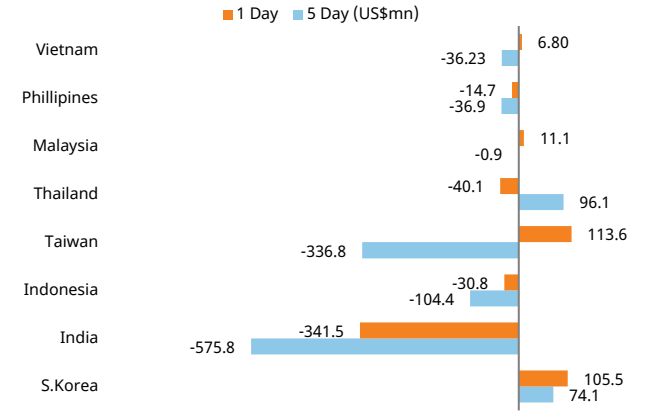

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Định giá P/E và P/B các thị trường

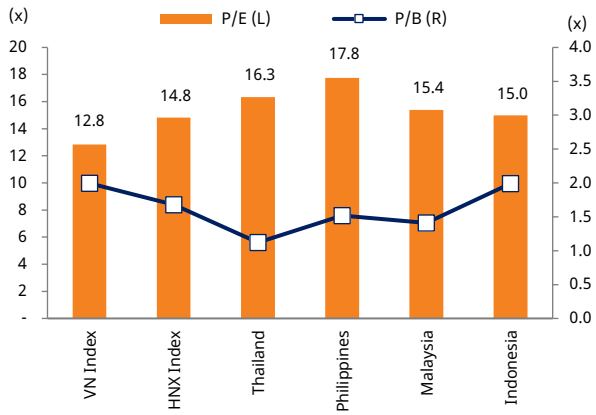

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ

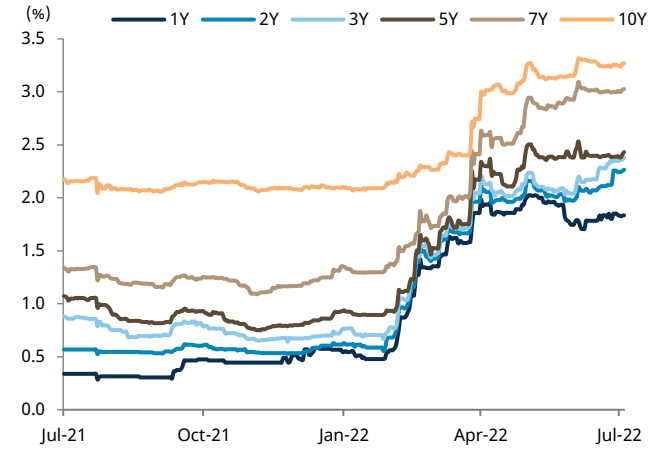

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng

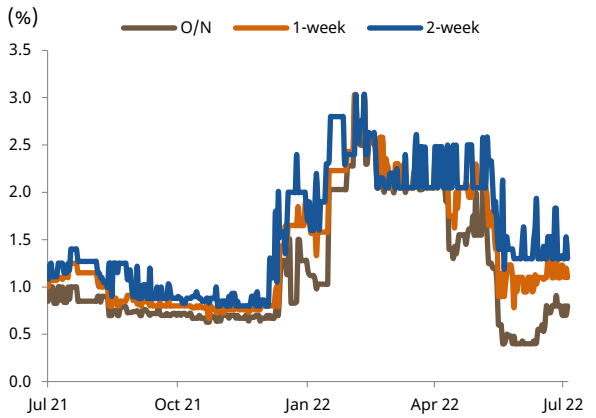

Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá	Vốn hóa	Sở hữu khối ngoại	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
		(VND)	(VND bn)	(%)	1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	**VN30 Index**	**1,220.14**	**3,252,349**		**-0.1**	**-0.9**	**-2.6**	**-14.7**	**11.4**	**10.1**	**2.2**	**1.8**	**38.5**	**12.9**	**19.6**	**21.0**
Asia Commercial Bank	ACB VN	24,000	81,058	30.0	-0.2	0.0	1.7	-8.4	8.6	6.5	1.8	1.4	24.6	31.0	23.5	24.9
BIDV	BID VN	35,800	181,095	16.9	-1.0	2.3	11.9	5.4	20.7	13.6	2.2	1.9	50.3	52.4	11.0	16.0
Bao Viet Holdings	BVH VN	56,500	41,941	26.6	-2.4	3.5	9.9	11.9	22.1	17.6	2.0	1.8	21.8	25.3	9.2	9.0
VietinBank	CTG VN	27,000	129,755	26.5	0.0	4.2	10.2	-22.9	9.2	6.9	1.4	1.2	18.2	32.8	15.8	18.3
FPT Corp	FPT VN	82,200	90,176	49.0	-0.7	-1.7	-9.2	15.5	22.7	17.0	5.0	4.3	21.5	33.6	23.4	26.8
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	97,500	186,610	2.9	-1.3	2.0	-21.4	7.7	22.4	14.2	3.7	3.2	8.1	58.1	16.8	23.4
Vietnam Rubber Group	GVR VN	23,150	92,600	0.5	-0.2	9.2	0.4	-24.1	22.3	19.0	1.9	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
HDBank	HDB VN	23,600	47,488	17.1	-0.4	-0.4	-3.7	-11.1	7.8	6.6	1.6	1.3	42.5	18.1	23.3	22.9
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	23,200	134,903	15.7	4.5	3.3	2.6	-35.1	4.2	4.5	1.5	1.1	151.5	-6.2	42.8	29.0
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	36,350	25,708	29.1	-1.2	0.8	4.9	10.0	22.3	18.7	2.5	2.2	3.1	19.5	12.2	12.9
MBBank	MBB VN	25,450	96,158	23.2	-0.2	1.6	2.2	-13.1	7.6	6.2	1.6	1.3	53.0	22.4	23.6	23.8
Masan Group Corp	MSN VN	101,200	144,081	28.8	-1.3	-3.5	-4.5	5.6	16.7	22.2	4.4	3.7	589.7	-24.6	35.1	18.2
Mobile World Investment Corp	MWG VN	61,500	90,018	48.8	-1.8	-5.4	-16.7	10.4	17.8	15.2	4.3	3.8	18.2	17.7	27.3	26.0
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	73,600	143,508	5.9	-0.1	-0.3	-3.7	-7.3	40.5	27.8	4.1	3.6	-18.7	45.4	10.6	15.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	52,800	35,463	2.5	0.0	0.0	8.2	-17.5	19.7	#N/A	5.0	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	39,800	50,570	17.6	-0.7	1.1	-2.9	-21.8	22.3	18.6	2.0	2.0	160.6	19.9	9.7	11.0
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	113,500	27,509	49.0	-1.7	-2.2	-3.8	19.3	27.0	16.9	4.3	3.2	-2.6	59.6	17.0	23.6
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,000	30,444	2.3	-0.8	0.0	-10.3	21.5	17.2	15.6	1.1	1.0	-24.2	9.8	6.2	6.4
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	154,000	98,757	62.7	-0.6	-0.7	1.3	-3.7	28.0	22.3	4.7	4.2	-22.9	25.4	17.1	20.0
SSI Securities Corp	SSI VN	21,100	31,442	22.1	-1.9	3.4	-0.9	-36.7	8.7	8.0	1.6	1.2	100.3	8.5	21.0	19.3
Sacombank	STB VN	23,000	43,360	21.9	-1.3	2.2	11.1	-20.1	14.1	13.1	1.3	1.1	30.6	7.4	9.5	11.6
Techcombank	TCB VN	36,100	126,744	22.5	0.4	-3.9	1.1	-30.7	7.0	5.9	1.4	1.1	46.1	19.1	21.7	20.8
Tien Phong Bank	TPB VN	27,100	42,866	29.9	0.7	0.0	2.1	8.6	8.4	11.7	1.6	1.3	28.5	-28.5	22.6	22.3
Vietcombank	VCB VN	72,300	342,161	23.5	-0.1	-2.3	-5.5	-10.0	17.2	12.9	3.1	2.5	19.7	33.6	19.6	21.3
Vinhomes JSC	VHM VN	60,000	261,262	23.3	-0.2	-1.6	-9.0	-29.3	6.7	8.1	2.1	1.7	40.9	-18.0	36.9	22.9
Vingroup JSC	VIC VN	69,600	265,450	12.2	0.1	-0.6	-9.3	-23.2	#N/A	76.5	2.6	2.6	-145.6	232.7	-2.8	3.5
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	124,700	67,539	16.8	-1.6	-2.4	0.2	8.6	897.1	44.6	4.0	#N/A	6.1	1,911.5	0.5	8.9
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	71,600	149,641	54.6	-1.1	-1.9	11.0	-16.0	15.9	16.3	4.5	4.3	-5.3	-2.8	29.3	28.3
VPBank	VPB VN	28,250	125,585	17.6	0.7	-1.2	-2.1	-20.5	10.7	6.6	1.6	1.3	11.6	62.3	17.9	20.3
Vincom Retail JSC	VRE VN	26,200	59,535	31.9	0.6	-3.0	-9.3	-6.4	45.3	26.8	1.9	1.8	-44.8	69.2	4.4	7.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Vốn hóa	Biến động giá (%)				Tăng trưởng EPS (%)*		P/E (X)*	
	(Tỷ VND)	1D	1W	1M	1Y	FY21	FY22	FY21	FY22
VN-Index	**4,696,314**	**-0.2**	**0.7**	**-2.9**	**-8.9**	**35.2**	**17.5**	**17.3**	**11.6**
Ô tô và phụ tùng	9,037	1.0	6.0	2.2	27.7	-0.3	32.4	15.9	11.4
Ngân hàng	1,478,487	-0.1	0.1	2.8	-11.3	32.1	28.8	12.9	8.3
Xây dựng cơ bản	224,644	0.0	5.0	-4.1	33.4	19.9	31.3	19.6	9.8
Dịch vụ thương mại	5,955	2.7	6.6	10.7	36.1	-5.1	33.5	16.5	13.2
May mặc và trang sức	49,937	-1.2	-0.6	-5.5	12.0	11.7	61.0	16.2	10.1
Dịch vụ tiêu dùng	7,368	0.1	0.4	1.4	5.9	1798.5	165.3	95.3	28.1
Dịch vụ tài chính	117,113	-1.5	3.1	7.7	-8.8	143.8	10.5	11.8	6.5
Dầu khí	68,397	-0.8	2.0	-5.4	-14.8	83.2	9.1	28.0	18.8
Thực phẩm, đồ uống	512,583	-0.8	-0.4	3.0	5.1	28.6	14.5	23.3	16.8
Y tế	3,189	-0.4	3.1	3.1	82.3	65.3	13.9	28.7	20.3
Bảo hiểm	55,034	-2.1	2.9	6.0	16.5	28.2	-2.5	18.4	18.6
Nguyên vật liệu	381,291	1.3	4.5	-3.8	9.6	118.0	-3.5	8.8	6.3
Dược phẩm	28,726	0.5	1.2	-2.9	-0.1	7.4	5.1	18.1	14.7
Bất động sản	1,016,860	-0.1	0.4	-5.4	-9.3	8.0	10.2	24.4	16.7
Bán lẻ	106,344	-1.7	-4.8	-15.6	32.6	33.8	24.1	11.6	8.0
Phần mềm và dịch vụ	97,404	-0.8	-1.3	-8.1	19.7	22.6	23.3	18.4	15.9
Vận tải	178,878	-0.7	-0.4	-0.6	13.0	-29.1	56.1	#N/A	#N/A
Tiện ích	316,702	-0.8	1.7	-15.0	14.7	10.1	16.8	16.6	15.2

Nguồn: Bloomberg, (*) Mirae Asset Research dự phóng

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
HPG VN	23,200	4.5	47,697,200	1.5
VPB VN	28,250	0.7	8,732,200	0.2
VSH VN	41,700	6.9	220,200	0.2
TCB VN	36,100	0.4	4,094,300	0.1
MSB VN	17,500	1.4	2,250,100	0.1
VIC VN	69,600	0.1	1,582,500	0.1
VRE VN	26,200	0.6	1,215,800	0.1
CRE VN	25,250	7.0	133,100	0.1
TPB VN	27,100	0.7	1,418,200	0.1
SAM VN	11,800	6.8	3,444,000	0.1

Top 10 tác động: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GAS VN	97,500	-1.3	516,900	-0.6
MSN VN	101,200	-1.3	413,900	-0.5
BID VN	35,800	-1.0	1,387,300	-0.5
VNM VN	71,600	-1.1	1,475,000	-0.4
MWG VN	61,500	-1.8	3,080,300	-0.4
VJC VN	124,700	-1.6	347,400	-0.3
BVH VN	56,500	-2.4	1,162,000	-0.3
BCM VN	62,800	-1.3	116,800	-0.2
PGV VN	25,900	-2.3	1,700	-0.2
FPT VN	82,200	-0.7	1,382,300	-0.2

Nguồn: Bloomberg

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.